

Số: 77 /2016/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 20 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%)
phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017,
ổn định đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh khoá XVII, kỳ họp thứ 3 ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017 và áp dụng cho năm ngân sách từ năm 2017 đến năm 2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Bãi bỏ Quyết định số 76/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Quy định tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa các cấp ngân sách năm 2016 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /...Huân

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Các Phòng; TT Công báo;
- Lưu: VT, KT (Nam).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đường

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 77 /2016/QĐ-UBND ngày 20 /12/2016
của UBND tỉnh Nghệ An)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020 theo Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan khác ở đóng trên địa bàn, UBND các huyện, thành phố, thị xã, UBND các phường, xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị thuộc UBND các huyện, thành phố, thị xã, UBND các phường, xã, thị trấn.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, phân bổ, chấp hành dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguồn thu của ngân sách tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%

a) Thuế giá trị gia tăng (GTGT), Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) hàng hóa dịch vụ sản xuất trong nước của các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), doanh nghiệp Ngoài quốc doanh (NQD) do Cục Thuế quản lý thu; Thu khác về thuế của các DNNN địa phương và doanh nghiệp NQD do Cục Thuế quản lý thu;

b) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

c) Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) khấu trừ qua các đơn vị chi trả cấp tỉnh quản lý;

d) Thuế bảo vệ môi trường;

đ) Thuế tài nguyên;

e) Lệ phí môn bài của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp NQD do cấp tỉnh quản lý thu;

g) Các khoản phí, lệ phí từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thu (trừ các loại phí và lệ phí có qui định riêng); *thư*

- a) Thuế TTĐB, thu khác về thuế của các doanh nghiệp NQD trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã do Chi cục Thuế quản lý thu;
- b) Lệ phí môn bài các doanh nghiệp NQD do Chi cục Thuế quản lý thu;
- c) Các khoản phí, lệ phí do các cơ quan, đơn vị cấp huyện tổ chức thu (trừ các loại phí và lệ phí có qui định riêng);
- d) Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, thu thanh lý tài sản, thu từ các hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị cấp huyện;
- đ) Thu phạt vi phạm hành chính do cấp huyện thực hiện, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện (không bao gồm thu phạt An toàn giao thông);
- e) Đóng góp, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách huyện theo quy định của pháp luật;
- g) Thu kết dư ngân sách cấp huyện;
- h) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện tại Khoản 3, Điều 3 của quy định này

3. Các khoản thu ngân sách phân chia giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã

- a) Thuế GTGT từ kinh tế cá thể, hộ gia đình trên địa bàn thành phố Vinh và các thị xã (các huyện còn lại, ngân sách cấp xã hưởng 100%);
 - b) Thuế thu nhập cá nhân từ các hộ kinh doanh cá thể nộp thuế khoán ổn định trên địa bàn thành phố Vinh và các thị xã (các huyện còn lại, ngân sách cấp xã hưởng 100%);
 - c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn các xã, phường thuộc thành phố Vinh và các thị xã (các huyện còn lại, ngân sách cấp xã hưởng 100%);
 - d) Lệ phí trước bạ nhà đất.
4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.
5. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang.

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%
- a) Thu khác về thuế từ kinh tế cá thể, hộ gia đình;
 - b) Lệ phí môn bài từ kinh tế cá thể, hộ gia đình;
 - c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với các hộ gia đình;
 - d) Thuế GTGT từ kinh tế cá thể, hộ gia đình trên địa bàn các huyện (trừ thành phố Vinh và các thị xã).
 - đ) Thuế thu nhập cá nhân từ các hộ kinh doanh cá thể nộp thuế khoán ổn định trên địa bàn các huyện (trừ thành phố Vinh và các thị xã); *huong*

- Các công trình kết cấu hạ tầng văn hóa thông tin, trùng tu tôn tạo di tích, bảo tàng và cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn, phát huy di sản văn hoá phi vật thể; công trình thể dục thể thao, phúc lợi xã hội thuộc cấp tỉnh quản lý;

- Các công trình thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, thông tin truyền thông, công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường, công nghiệp, thương mại và cấp, thoát nước;

- Đầu tư, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Chi chương trình mục tiêu Quốc gia (vốn đầu tư);

c) Chi trả nợ các khoản huy động theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 của Luật Ngân sách nhà nước;

d) Chi trả lãi, phí và chi phí khác phát sinh khác từ các khoản vay theo quy định pháp luật;

đ) Các khoản chi đầu tư phát triển, chi hỗ trợ đầu tư khác theo quy định.

2. Chi thường xuyên

a) Chi sự nghiệp kinh tế:

- Duy tu, bảo dưỡng sửa chữa cầu đường bộ, đường thủy nội địa do tỉnh quản lý và các công trình giao thông khác;

- Duy tu bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; chi cho công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư (bao gồm chi phụ cấp hàng tháng cho khuyến nông viên cơ sở); chi khoanh nuôi bảo vệ, phòng chống cháy rừng; bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Các chính sách phát triển Nông nghiệp – nông thôn;

- Chi sự nghiệp tài nguyên: Chi đo đạc, lập bản đồ địa chính; chi quy hoạch thuộc nhiệm vụ của tỉnh;

- Chi xúc tiến đầu tư, khuyến công và các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế của tỉnh;

- Chi trợ giá, trợ cước;

- Chi phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền;

- Chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp kinh tế;

- Các hoạt động kinh tế khác do ngân sách tỉnh đảm bảo.

b) Chi sự nghiệp môi trường:

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường;

- Hoạt động điều tra cơ bản, khảo sát, báo cáo, cảnh báo, lập dự án, đề án về môi trường;

- Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của tỉnh; *Handwritten signature*

- Hỗ trợ chiếu phim; xuất bản sách, báo; Ứng dụng công nghệ thông tin;
- Chi nghiên cứu, khảo sát phát triển sản phẩm du lịch, quảng bá, xúc tiến du lịch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch;
- Các hoạt động văn hóa, thông tin, du lịch khác do tỉnh quản lý.

g) Chi sự nghiệp thể thao: Chi chế độ tiền công, chế độ dinh dưỡng tập trung tập luyện và tập trung thi đấu cho huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; tổ chức và phục vụ các giải thi đấu cấp tỉnh trở lên; các cơ sở thi đấu TDTT và các hoạt động TDTT khác do tỉnh quản lý;

h) Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: Chi cho các nhiệm vụ phát thanh, truyền hình do tỉnh quản lý;

i) Chi đảm bảo xã hội: Chi cho các trung tâm, các trại xã hội, chi cứu trợ xã hội, chi phòng chống các tệ nạn xã hội, các hoạt động xã hội khác do tỉnh quản lý;

k) Chi đảm bảo hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan Đảng; tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý;

l) Các nhiệm vụ về Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách tỉnh thực hiện theo đặc thù của địa phương và quy định của Chính phủ;

m) Chi thường xuyên về các chương trình quốc gia, nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu cho cấp tỉnh quản lý;

n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính tỉnh.

4. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách tỉnh.

5. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do huyện quản lý theo phân cấp đầu tư XDCCB hiện hành:

- Xây dựng trụ sở các cơ quan hành chính cấp huyện;

- Các công trình kết cấu hạ tầng về văn hóa, TDTT, phát thanh truyền hình, trùng tu tôn tạo di tích và các công trình phúc lợi xã hội khác thuộc cấp huyện quản lý;

- Xây dựng các công trình thủy lợi liên xã, các công trình giao thông liên xã, các dự án đầu tư do cấp huyện phê duyệt chủ trương đầu tư;

- Chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông cơ sở, tiểu học, mầm non do cấp huyện phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Chi trả nợ (bao gồm cả gốc và lãi vay ngân sách cấp trên);

b) Hỗ trợ sửa chữa các công trình cấp huyện quản lý trên địa bàn;

c) Chi hỗ trợ các công trình do cấp xã làm chủ đầu tư.

- Chi thăm hỏi các đối tượng chính sách ngày lễ, tết ngoài các đối tượng đã được Chủ tịch nước tặng quà (con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học; cá nhân, gia đình được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến; người phục vụ cho người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng) và các đối tượng khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

- Các nhiệm vụ chi khác được phân cấp.

e) Chi đảm bảo hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật do cấp huyện quản lý;

g) Công tác quốc phòng - an ninh địa phương :

- Tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và triển khai các nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh trật tự trên địa bàn;

- Tổ chức và phối hợp diễn tập khu vực phòng thủ theo quy định;

- Công tác tuyên, giao quân và đón tiếp quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về, công tác giáo dục quốc phòng;

- Chi hỗ trợ hoạt động các Tiểu đội dân quân thường trực;

- Các huyện có đường biên giới: chi quản lý cột mốc, đường biên giới;

- Hỗ trợ các hoạt động giữ gìn an ninh và trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy chữa cháy trên địa bàn.

- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và các nhiệm vụ khác theo quy định.

h) Chi hỗ trợ hoạt động thanh tra nhân dân, ban đại diện người cao tuổi.

i) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp huyện.

4. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do cấp xã quản lý;

b) Trụ sở cơ quan hành chính, các công trình văn hóa - thể thao, xã hội cấp xã quản lý;

c) Chi hỗ trợ xây dựng đường giao thông liên thôn, bản; đường giao thông, thủy lợi nội đồng.

d) Xây dựng các trường Trường tiểu học; Trường mầm non; Trạm y tế xã theo phân cấp.

Hy

- Diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống lụt bão, chiến đấu trị an cấp xã theo kế hoạch của cấp tỉnh;

- Các xã có đường biên giới: bổ sung thêm nhiệm vụ chi quản lý cột mốc, đường biên giới;

- Công tác quốc phòng – an ninh trật tự khác.

l) Chi sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng các công trình kiến trúc, tài sản, công trình phúc lợi, kết cấu hạ tầng khác do xã quản lý;

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang sã sau của ngân sách cấp xã.

Điều 9. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Nghệ An năm 2017, ổn định đến năm 2020

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách giai đoạn 2017-2020			
		NS Trung ương (%)	NS Tỉnh (%)	NS huyện, thành phố, Thị xã, (%)	NS xã phường thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
1	Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp và tiêu thụ đặc biệt				
1.1	Thu từ DNNN Trung ương, địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp Ngoài quốc doanh do Cục Thuế quản lý thu (không kể thuế GTGT hàng nhập khẩu, hoạt động khai thác dầu khí)		100		
1.2	Thu từ doanh nghiệp Ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quản lý thu (trừ các đơn vị do Cục Thuế quản lý thu)				
-	Đối với Thành phố Vinh		80	20	
-	Đối với thị xã Cửa Lò		40	60	
-	Đối với các huyện đồng bằng, thị xã Hoàng Mai và Thái Hoà		30	70	
-	Đối với 10 huyện miền núi		20	80	

Đu

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách giai đoạn 2017-2020			
		NS Trung ương (%)	NS Tỉnh (%)	NS huyện, thành phố, Thị xã, (%)	NS xã phường thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
	ương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
-	Các doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Cục thuế quản lý thu		100		
-	Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục thuế quản lý thu (Ngoài các đơn vị do Cục thuế quản lý thu)			100	
-	Các hộ gia đình, cá thể kinh doanh				100
5	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		100		
6	Thuế thu nhập cá nhân				
6.1	Khấu trừ qua các đơn vị chi trả tỉnh quản lý		100		
6.2	Khấu trừ qua các đơn vị chi trả cấp huyện quản lý; kế thừa; quà tặng; chuyển nhượng tài sản;...				
-	Đối với Thành phố Vinh, các thị xã Hoàng Mai, Thái Hoà, Cửa Lò		40	60	
-	Đối với các huyện còn lại			100	
6.3	Các hộ kinh doanh cá thể nộp thuế khoán ổn định				
-	Đối với Thành phố Vinh, các thị xã Hoàng Mai, Thái Hoà, Cửa Lò			40	60
-	Đối với các huyện còn lại				100
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thu các hộ sản xuất tại địa bàn xã, thị trấn				100
-	Thu từ các nông trường, trạm, trại nông nghiệp		100		

thư

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách giai đoạn 2017-2020			
		NS Trung ương (%)	NS Tỉnh (%)	NS huyện, thành phố, Thị xã, (%)	NS xã phường thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
-	Thị xã Cửa Lò		30	55	15
-	Thị xã Thái Hoà		30	40	30
-	Thị xã Hoàng Mai		0	70	30
-	Nam Đàn		0	60	40
-	Các huyện còn lại		35	25	40
9.5	Các trường hợp khác phân chia theo quyết định điều hành riêng của UBND tỉnh				
10	Thuế Bảo vệ môi trường				
-	Thu xăng dầu sản xuất trong nước		100		
-	Thu xăng dầu nhập khẩu	100			
11	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước		100		
12	Tiền đền bù thiệt hại đất				
-	Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc tỉnh quản lý.		100		
-	Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc cấp huyện quản lý.			100	
-	Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc cấp xã quản lý.				100
13	Tiền cho thuê nhà, bán và thanh lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
13.1	Nhà ở		100		
13.2	Không phải là nhà ở:				
-	Trung ương quản lý	100			
-	Tỉnh quản lý		100		
-	Cấp huyện quản lý			100	

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách giai đoạn 2017-2020			
		NS Trung ương (%)	NS Tỉnh (%)	NS huyện, thành phố, Thị xã, (%)	NS xã phường thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
17	Phí, lệ phí (không kể Lệ phí môn bài, Lệ phí trước bạ, Phí bảo vệ môi trường).				
-	Các đơn vị Trung ương tổ chức thu	100			
-	Các đơn vị tỉnh tổ chức thu		100		
-	Các đơn vị thành phố, huyện, thị xã tổ chức thu			100	
-	Các đơn vị xã, phường, thị trấn tổ chức thu				100
18	Thu nhập từ vốn góp của ngân sách địa phương, tiền thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các cơ sở kinh tế; Thu từ Quỹ dự trữ tài chính của Tỉnh		100		
19	Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền cấp quyền giao của địa phương		100		
20	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa		100		
21	Viện trợ không hoàn lại các tổ chức, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương theo quy định của pháp luật				
-	Tỉnh		100		
-	Cấp huyện			100	
-	Xã, phường, thị trấn				100
22	Thu từ quỹ đất công, công ích và thu hoa lợi công sản xã, phường, thị trấn quản lý				100

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách giai đoạn 2017-2020			
		NS Trung ương (%)	NS Tỉnh (%)	NS huyện, thành phố, Thị xã, (%)	NS xã phường thị trấn (%)
A	B	1	2	3	4
-	Xã, phường, thị trấn				100
28	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
-	Tỉnh		100		
-	Cấp huyện			100	
-	Xã, phường, thị trấn				100
29	Thu chuyển nguồn từ ngân sách địa phương năm trước sang ngân sách địa phương năm sau				
-	Tỉnh		100		
-	Cấp huyện			100	
-	Xã, phường, thị trấn				100

Điều 10.

1. Các khoản thu phân chia không thay đổi tỷ lệ phần trăm (%) trong thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017 - 2020.

2. Trong trường hợp thu ngân sách trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã giao hưởng theo tỷ lệ phân chia tại quy định này cao hơn cân đối nhiệm vụ chi ngân sách trên địa bàn, giao Sở Tài chính tính toán, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp. / *huynh*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đường